# THÔNG BÁO VỀ ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2019

Hội đồng thống nhất với những nội dung sau:

1. Những quy định chung để xác định điểm chuẩn:
   1.1. Đối với tất cả các ngành, mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng liền kề là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 điểm (một phần tư điểm);
   1.2. Tất cả các môn thi lấy hệ số 1.0;
   1.3. Điểm thi các môn năng khiếu phải đạt từ 5.0 điểm trở lên.
   1.4. Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển và được làm tròn đến hai chữ số thập phân; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực;
2. Thí sinh có hộ khẩu thuộc 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã đăng ký nguyện vọng học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ được xét trúng tuyển theo ngành đăng ký dự thi và học tại cơ sở này trong suốt khóa học;
3. Thí sinh có hộ khẩu thuộc 5 tỉnh Tây Nguyên và 8 tỉnh, thành Nam Trung Bộ đã đăng ký nguyện vọng học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt được xét trúng tuyển theo ngành đăng ký dự thi và học tại cơ sở này trong suốt khóa học;
4. Điểm chuẩn đối với HSPT – KV3 và số thí sinh đạt điểm xét tuyển của các ngành như sau:

**Điểm chuẩn chương trình đại trà học tại cơ sở thành phố Hồ Chí Minh:**

| TT | Ngành | Mã ngành | Mã ĐKXT | Chỉ tiêu | Điểm chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thiết kế đồ họa | 7210403 | 7210403 | 120 | 22.65 |
| 2 | Thiết kế thời trang | 7210404 | 7210404 | 40 | 21.50 |
| 3 | Thiết kế công nghiệp | 7210402 | 7210402 | 75 | 21.35 |
| 4 | Kiến trúc | 7580101 | 7580101 | 210 | 22.85 |
| 5 | Thiết kế nội thất | 7580108 | 7580108 | 75 | 22.55 |
| 6 | Mỹ thuật đô thị | 7210110 | 7210110 | 50 | 21.65 |
| 7 | Quy hoạch vùng và đô thị | 7580105 | 7580105 | 70 | 20.80 |
| 8 | Kiến trúc cảnh quan | 7580102 | 7580102 | 75 | 21.20 |
| 9 | Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | 7580201 | 315 | 19.70 |
| 10 | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng | 7580210 | 7580210 | 100 | 16.00 |
| 11 | Quản lý xây dựng | 7580302 | 7580302 | 75 | 18.80 |

| TT | Ngành | Mã ngành | Mã ĐKXT | Chỉ tiêu | Điểm chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng cộng:** | | | | **1205** | |

**<u>Điểm chuẩn chương trình chất lượng cao học tại cơ sở thành phố Hồ Chí Minh:</u>**

| TT | Ngành | Mã ngành | Mã ĐKXT | Chỉ tiêu | Điểm chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kỹ thuật xây dựng (Chất lượng cao) | 7580201 | 7580201CLC | 35 | 15.25 |
| 2 | Quy hoạch vùng và đô thị (Chất lượng cao) | 7580105 | 7580105CLC | 30 | 16.50 |
| 3 | Kiến trúc (Chất lượng cao) | 7580101 | 7580101CLC | 40 | 21.25 |
| **Tổng cộng:** | | | | **105** | |

**<u>Điểm chuẩn Chương trình tiên tiến ngành Thiết kế đô thị xét tuyển theo phương thức xét tuyển chung</u>**

| TT | Ngành | Mã ngành | Mã ĐKXT | Chỉ tiêu | Điểm chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến) | 7580199 | 7580199 | 25 | 15.00 |
| **Tổng cộng:** | | | | **25** | |

*<u>Ghi chú</u>: Thí sinh trúng tuyển ngành Thiết kế đô thị phải kiểm tra tiếng Anh đầu vào trước ngày 30/8/2019. (Chi tiết: liên hệ Viện đào tạo quốc tế; Điện thoại: 028.62907038 – 0902103033 – Gặp Chị Uyên).*

**<u>Điểm chuẩn chương trình đại trà học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ:</u>**

*(Thí sinh phải có hộ khẩu tại 13 tỉnh, thành ĐBSCL gồm: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau).*

| TT | Ngành | Mã ngành | Mã ĐKXT | Chỉ tiêu | Điểm chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | 7580201CT | 75 | 15.05 |
| 2 | Kiến trúc | 7580101 | 7580101CT | 50 | 20.00 |
| 3 | Thiết kế nội thất | 7580108 | 7580108CT | 40 | 17.00 |
| **Tổng cộng:** | | | | **165** | |

**<u>Điểm chuẩn chương trình đại trà học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt:</u>**

*(Thí sinh phải có hộ khẩu tại 5 tỉnh Tây Nguyên và 8 tỉnh thành Nam Trung Bộ gồm: Đắk Lắk, Gia lai, Kon tum, Đắk Nông, Lâm Đồng, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận).*

| TT | Ngành | Mã ngành | Mã ĐKXT | Chỉ tiêu | Điểm chuẩn |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | 7580201DL | 50 | 15.15 |
| 2 | Kiến trúc | 7580101 | 7580101DL | 50 | 18.25 |
| **Tổng cộng:** | | | | **100** | |

5. Những thí sinh trúng tuyển các nguyện vọng học tại Trung tâm đào tạo cơ sở Cần Thơ và Trung tâm đào tạo cơ sở Đà Lạt cần nộp thêm bản sao hộ khẩu (có công chứng) để xác nhận điều kiện trúng tuyển;
6. Những thí sinh có tên trong danh sách đạt điểm chuẩn phải nộp bản chính Phiếu điểm kết quả thi trung học phổ thông Quốc Gia và Phiếu điểm kết quả thi môn năng khiếu (đối với thí sinh trúng tuyển ngành có thi bổ sung môn năng khiếu) năm 2019 trước **17h00** ngày **15/08/2019** để xác nhận nhập học./.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**